

PHỤ LỤC TỔNG HỢP**Kết quả lấy ý kiến Nhân dân về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã năm 2026***(Kèm theo Thông báo số**/TB-UBND ngày 22/6/2026 của UBND xã Vụ Bản*

ST T	Thôn	Nội dung lấy ý kiến Nhân dân	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến đại diện hộ gia đình						
			Tổng số đại diện hộ gia đình	Đại diện hộ gia đình tham gia		Số đại diện hộ gia đình đồng ý		Số đại diện hộ gia đình không đồng ý	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Tiên Hương 4	Sắp xếp toàn bộ quy mô số hộ của các thôn Tiên Hương 4, Tiên Hương 5, Tiên Hương 6, Tiên Hương 7, Tiên Hương 8, Tiên Hương 9 thành thôn mới có tên gọi là thôn Tiên Hương	191	184	96,34	184	96,34	0	0
2	Tiên Hương 5		187	187	100	187	100	0	0
3	Tiên Hương 6		252	252	100	252	100	0	0
4	Tiên Hương 7		182	182	100	182	100	0	0
5	Tiên Hương 8		214	214	100	214	100	0	0
6	Tiên Hương 9		159	159	100	159	100	0	0
7	Mới	Sắp xếp toàn bộ quy mô số hộ của các thôn Mới, Pheo Tiên, Cầu Ưông thành thôn mới có tên gọi là thôn Kim Thái	99	99	100	99	100	0	0
8	Pheo Tiên		203	203	100	203	100	0	0
9	Cầu Ưông		252	252	100	252	100	0	0
10	Vân Cát 1	Sắp xếp toàn bộ quy mô số hộ của các thôn Vân Cát 1, Vân Cát 2, Vân Cát 3 thành thôn mới có tên gọi là thôn Vân Cát	176	176	100	176	100	0	0
11	Vân Cát 2		181	180	99,45	180	99,45	0	0
12	Vân Cát 3		195	195	100	195	100	0	0
13	Đông	Sắp xếp toàn bộ quy mô số hộ của các thôn Đông, Tây, Tân Phương thành thôn mới có tên gọi là thôn Xuân Bảng	221	221	100	221	100	0	0
14	Tây		291	291	100	291	100	0	0
15	Tân Phương		211	211	100	211	100	0	0
16	Dur Duệ	Sắp xếp toàn bộ quy mô số hộ của các thôn Dur Duệ, Phú Thứ thành thôn mới có tên gọi là thôn Tam Thanh	488	475	97,34	473	96,93	2	0,41
17	Phú Thứ		388	361	93,04	356	91,75	5	1,29

ST T	Thôn	Nội dung lấy ý kiến Nhân dân	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến đại diện hộ gia đình						
			Tổng số đại diện hộ gia đình	Đại diện hộ gia đình tham gia		Số đại diện hộ gia đình đồng ý		Số đại diện hộ gia đình không đồng ý	
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
18	An Lạc	Sắp xếp toàn bộ quy mô số hộ của các thôn Tiền, An Lạc thành thôn mới có tên gọi là thôn An Lạc	292	292	100	292	100	0	0
19	Tiền		266	266	100	266	100	0	0
20	Tây Côi Sơn	Sắp xếp toàn bộ quy mô số hộ của các thôn Đông Côi Sơn, Tây Côi Sơn thành thôn mới có tên gọi là thôn Côi Sơn	349	349	100	349	100	0	0
21	Đông Côi Sơn		230	230	100	230	100	0	0
22	Vân Côi	Sắp xếp toàn bộ quy mô số hộ của các thôn Vân Côi, Non Côi thành thôn mới có tên gọi là thôn Vân Côi	399	399	100	399	100	0	0
23	Non Côi		278	273	98,2	270	97,12	3	1,08
24	Phú Quảng	Sắp xếp toàn bộ quy mô số hộ của các thôn Phú Quảng, Trần Huy Liệu, Lê Xá thành thôn mới có tên gọi là thôn Trần Huy Liệu	371	364	98,11	362	97,57	2	0,54
25	Trần Huy Liệu		183	179	97,81	179	97,81	0	0
26	Lê Xá		130	130	100	130	100	0	0
27	Vân Côi	Sắp xếp toàn bộ quy mô số hộ của các thôn Mỹ Côi, Vân Côi, Lương Thế Vinh thành thôn mới có tên gọi là thôn Mỹ Côi	209	208	99,52	205	98,09	3	1,44
28	Mỹ Côi		415	415	100	415	100	0	0
29	Lương Thế Vinh		217	212	97,7	210	96,77	2	0,92
Tổng			7 229	7 159	99,03	7 142	98,80	17	0,24